

Bản án số: 125/2024/HS-ST

Ngày: 31-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm.

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Đỗ Văn Túy.

Bà: Phạm Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:

Bà: Trần Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2024/TLST-HS ngày 29/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST-HS ngày 11/12/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, tại: huyện C, thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị P; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Hoàng Thị Y (Đã chết năm 2024); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/9/2024. (có mặt)

****Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Công ty L3 (P2) – Là đại diện theo ủy quyền của các Công ty thuộc Tập đoàn A1; Địa chỉ: Số H T, Quận H, Hà Nội.

2/ Công ty TNHH N1 – Là đại diện của N2; Địa chỉ: Lầu A, B Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1979 (Đã chết năm 2024); nơi cư trú: Xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Hoàng Thị Y:

- Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Anh Nguyễn Hoàng Nam V1, sinh năm 2008; địa chỉ: T, xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội.

- Anh Nguyễn Hoàng P1, sinh năm 2011; địa chỉ: T, xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội

(Đều vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 tại: huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn Thượng Phúc, xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

*** Những người làm chứng:**

- Ông Trần Sỹ L, sinh năm 1966; Trú tại: thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Bùi Văn L1, sinh năm 1977; Trú tại: thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Hoàng L2, sinh năm 2003; Trú tại: thôn T, xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984; Trú tại: thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2014, Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, trú tại: thôn T, xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội đăng ký thành lập Cơ sở sản xuất giày da Văn T, địa chỉ trụ sở: thôn C, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội. Tháng 01/2024, T thuê kho xưởng của ông Trần Sỹ L, sinh năm 1966 tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên để làm cơ sở sản xuất giày đồng thời mua hệ thống máy móc, thiết bị đã cũ để phục vụ cho sản xuất, kinh doanh. Quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, T đã thuê 22 công nhân, chia làm 3 tổ sản xuất để sản xuất giày theo đơn hàng. Xưởng sản xuất của T tại huyện K, tỉnh Hưng Yên chưa được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp giấy phép sản xuất theo quy định.

Đến khoảng tháng 7/2024, Nguyễn Văn T biết nhãn hiệu Nike, A là nhãn hiệu nổi tiếng, được bảo hộ tại Việt Nam, xưởng sản xuất của T không được uỷ quyền sản

xuất và không có hợp đồng gia công sản xuất các loại giày nhãn hiệu trên nhưng do tìm hiểu thị trường thấy nhu cầu tiêu thụ đối với các mẫu giày nhãn hiệu trên thu lời cao nên T nảy sinh ý định sản xuất các mẫu giày gắn nhãn hiệu Adidas và N giả để bán kiếm lời. T tìm các mẫu giày nhãn hiệu Nike, A đang thịnh hành trên mạng xã hội, rồi tải hình ảnh những mẫu giày này về, in ra và mang đến một số cửa hàng thuộc làng nghề làm giày xã P, huyện P, thành phố Hà Nội, đưa hình ảnh mẫu giày mà T tìm kiếm được để mua nguyên phụ liệu sản xuất giày gồm tem, nhãn giả mạo nhãn hiệu Adidas và N, giả da, đế, lót, vải cotton, khuy, dây giày, keo, chỉ, kim máy may, túi nilon,... với số tiền khoảng 100.000.000 đồng (*khi mua không có hóa đơn, chứng từ kèm theo*) và chuyển số nguyên liệu trên về xưởng sản xuất tại huyện K. Sau đó, T hướng dẫn và giám sát công nhân sản xuất các mẫu giày giả mạo nhãn hiệu Nike, Adidas theo các mẫu giày đã tìm hiểu.

Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 07/2024 đến ngày 21/8/2024, tại xưởng sản xuất ở xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên, T đã chỉ đạo 22 công nhân sản xuất được tổng 7.070 đôi giày giả mạo nhãn hiệu Nike, 170 đôi giày giả mạo nhãn hiệu Adidas.

Khoảng 10 giờ ngày 21/8/2024, T thuê anh Bùi Văn L1, sinh năm 1977, trú tại: thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên điều khiển xe ô tô tải treo BKS: 89C-211.16 (*là xe anh L1 thuê của anh Đinh Văn B, sinh năm: 1988, nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên*) để chở 200 đôi giày giả mạo nhãn hiệu Nike đi chào bán ra thị trường đã bị Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh H phối hợp Đội QLTT số 05 - Cục quản lý thị trường tỉnh H kiểm tra phương tiện phát hiện. Thu giữ tại thùng xe ô tô: 200 đôi giày thể thao thành phẩm gắn nhãn hiệu Nike (tình trạng: Mới, có các hình “” và “”).

Cùng ngày 21/8/2024, Tổ công tác kiểm tra tại xưởng sản xuất của T tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Quá trình kiểm tra, Tổ công tác tạm giữ vật chứng gồm:

1. Giày thể thao: 6870 đôi gắn nhãn hiệu Nike (tình trạng: Mới, có các hình “” và “”).
2. Giày thể thao: 170 đôi gắn nhãn hiệu Adidas (tình trạng: Mới, có các hình “” và “”).
3. Đế giày các loại: 1.660 kg, không rõ xuất xứ.
4. Mũ giày: 240 kg ghi nhãn hiệu Nike (tình trạng: Mới).
5. Mũ giày: 35 kg, ghi nhãn hiệu Adidas (tình trạng: Mới).
6. Tem nhãn: 95 kg ghi nhãn hiệu Nike (tình trạng: Mới, có các hình “” và “”).
7. Tem nhãn: 06 kg, ghi nhãn hiệu Adidas (tình trạng: Mới, có các hình “” và “”).
8. Keo dán: 10 thùng, loại 20kg/ thùng (tình trạng: Mới).

9. Chỉ khâu giày: 20kg, không rõ xuất xứ, (tình trạng: Mới).
 10. Khuôn phom giày: 75kg, không rõ xuất xứ, (tình trạng: Mới).
 11. Dây buộc giày các loại: 50kg, không rõ xuất xứ, (tình trạng: Mới).
 12. Máy đột: 01 chiếc, ghi chữ YIHHONG, đã qua sử dụng.
 13. Máy may chân tủy: 03 chiếc, ghi chữ; Sunstar ST-610, đã qua sử dụng.
 14. Máy định hình: 01 chiếc, ghi chữ Seazen VXM006980, đã qua sử dụng
 15. Dàn máy sấy 05 cục: 01 chiếc, ghi chữ QIXIN MACHINERY-DML, đã qua sử dụng.
 16. Máy ép dầu: 01 chiếc, ghi chữ Chengfeng CF- 710A, đã qua sử dụng
 17. Máy may: 02 chiếc, ghi chữ HOHSING, đã qua sử dụng.
 18. Máy ép cuối: 01 chiếc, ghi chữ NO 226. CHUNG HUA HUI ROAD, đã qua sử dụng.
 19. Máy khò chỉ: 01 chiếc, ghi chữ HP1/8ZC8917166ZC, đã qua sử dụng.
 20. Máy may: 30 chiếc, ghi chữ GOLDEN WHEEL, đã qua sử dụng.
- Quá trình điều tra, T tự nguyện giao nộp:
- 01 thanh đục bằng kim loại đã hoen rỉ, dài 8,5cm, đường kính phần rộng nhất 01cm;
 - 01 chiếc kéo bằng kim loại đã hoen rỉ, có tay cầm sơn màu xanh, dài 24cm;
 - 01 khuôn cắt bằng kim loại đã hoen rỉ, kích thước (7x4,5x3)cm;
 - 01 chiếc búa cao su, đầu búa hình trụ tròn, cao 8,5cm, đường kính 5cm, chuôi bằng gỗ dài 19cm, đường kính 02cm.

(Toàn bộ vật chứng thu được đã lưu giữ tại kho của Cục quản lý thị trường tỉnh H và giao cho UBND xã Đ, huyện K quản lý tại kho của ông Trần Sỹ L tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên).

Đại diện theo ủy quyền của Công ty N1 xác định: Nguyễn Văn T không phải là đối tượng được ủy quyền nhập khẩu, phân phối, gia công, sản xuất các sản phẩm mang nhãn hiệu của N tại Việt Nam. Hiện tại N không có mẫu sản phẩm tương tự với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu Nike do Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn T. Nhãn hiệu “NIKE”; nhãn hiệu hình “” và “” được bảo hộ theo văn bằng bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa số 3440, 3441 và 28287 thuộc sở hữu của N2 (NIKE) hiện đang được bảo hộ tại Việt Nam cho các sản phẩm giày dép, quần áo, mũ nón nhóm 25. Hàng hóa đã thu giữ của Nguyễn Văn T là hàng hóa, vật phẩm mang nhãn hiệu (tem nhãn vải) giả mạo nhãn hiệu của NIKE theo quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ (không phải là hàng giả theo quy định của Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020).

Đại diện của Tập đoàn A1 tại Việt Nam xác định: Nguyễn Văn T không phải là người đại diện, cá nhân được ủy quyền để sản xuất và bán các sản phẩm mang

nhãn hiệu Adidas tại Việt Nam. Đối với các sản phẩm 170 đôi giày thể thao giả mạo nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam, Tập đoàn A2 không sản xuất mẫu giày này nên không có mẫu vật tương ứng để cung cấp. Tập đoàn A1 là chủ sở hữu đăng ký quốc tế số 487580, 699437 và 469033 cho các nhãn hiệu “adidas”, hình “” và hình “” đang được bảo hộ tại Việt Nam cho các sản phẩm đồ may mặc, đồ đi chân và đồ đội đầu, túi xách thuộc nhóm 18, 25. Các sản phẩm theo ảnh mẫu gửi kèm có các đặc điểm: Không có tem sản phẩm, không có mã an toàn, cách thể hiện logo và phong chữ trên sản phẩm không đúng theo tiêu chuẩn của hàng chính hãng. Theo thông tin của chủ sở hữu cung cấp, đây không phải là hàng do các Công ty thuộc Tập đoàn A1 sản xuất hoặc cho phép sản xuất và xác định đây là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu theo quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ.

Tại văn bản số 2694 ngày 10/9/2024 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ K và Công nghệ xác định:

- Nike được Cục SHTT cấp GCN đăng ký nhãn hiệu cho hàng hóa Giày thể thao số 3440, 3442, 110547.

- Adidas đăng ký quốc tế nhãn hiệu có chỉ định Việt Nam, đã được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam đối với nhãn hiệu cho hàng hóa Giày thể thao số 469033, 358770, 386444, 487580, 1037620, 289063. (Số đăng ký quốc tế 469145).

Tại Bản kết luận giám định sở hữu công nghiệp số NH590-24TC.TP/KLGD ngày 13/9/2024 của Viện Khoa học sở hữu trí tuệ - Bộ K, kết luận:

- Sản phẩm giày thể thao gắn dấu hiệu Nike, hình (như thể hiện tại ảnh H1-H19 trong bản ảnh giám định kèm theo) là hàng hoá giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ cho đồ đi chân thuộc Nhóm 25 theo GCNĐKNH số 3443 của Nike innovate c.v. (theo Điều 213.2 Luật Sở hữu trí tuệ);

- Sản phẩm mũ giày gắn dấu hiệu Nike, hình (như thể hiện tại ảnh H.20-H.24 trong bản ảnh giám định kèm theo) là hàng hoá giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ cho đồ đi chân thuộc Nhóm 25 theo GCNĐKNH số 3443 của Nike innovate c.v. (theo Điều 213.2 Luật Sở hữu trí tuệ);

- Sản phẩm tem/nhãn gắn dấu hiệu N, hình (như thể hiện tại ảnh H.25-H.26 trong bản ảnh giám định kèm theo) là hàng hoá giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ cho các mặt hàng quần áo, kể cả đồ đi chân và đồ đội đầu thuộc Nhóm 25 theo GCNĐKNH số 3443 của Nike innovate c.v. (theo Điều 213.2 Luật Sở hữu trí tuệ);

- Sản phẩm giày thể thao gắn dấu hiệu Adidas, hình (như thể hiện tại ảnh H.27-H.39 trong bản ảnh giám định kèm theo) là hàng hoá giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ cho sản phẩm giày thuộc Nhóm 25 theo ĐKQG số 469033 của A3. (theo Điều 213.2 Luật Sở hữu trí tuệ);

- Sản phẩm mũ giày gắn dấu hiệu A, hình (như thể hiện tại ảnh H.40 trong bản ảnh giám định kèm theo) là hàng hoá giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ cho sản phẩm giày thuộc Nhóm 25 theo ĐKQG số 469033 của A3. (theo Điều 213.2 Luật Sở hữu trí tuệ);

- Sản phẩm tem/nhãn gắn dấu hiệu A, hình (như thể hiện tại ảnh H.41 trong bản ảnh giám định kèm theo) là hàng hoá giả mạo đối với nhãn hiệu được bảo hộ cho sản phẩm quần áo, bát tất, găng tay, giày thuộc Nhóm 25 theo ĐKQG số 469033 của A3. (theo Điều 213.2 Luật Sở hữu trí tuệ).

Bản Kết luận định giá tài sản số 87/KL-HĐĐG ngày 20/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hưng Yên, kết luận:

- + 7.070 đôi giày thể thao gắn nhãn hiệu Nike, trị giá: 549.925.000 đồng.
- + 170 đôi giày thể thao gắn nhãn hiệu Adidas, trị giá: 13.175.000 đồng.
- + 1.660kg đế giày các loại trị giá: 76.360.000 đồng.
- + 20kg chỉ khâu giày các loại trị giá: 2.225.000 đồng.
- + 50 kg dây buộc giày các loại trị giá: 7.283.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Ngoài ra, T còn khai khoảng đầu tháng 08/2024, T còn sản xuất và bán 50 đôi giày giả mạo nhãn hiệu Adidas cho anh Nguyễn Hoàng L2, sinh năm 2003, nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội và bán 100 đôi giày giả mạo nhãn hiệu Nike cho chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên thu được tổng số tiền: 12.500.000đồng. Số giày này, anh L2, chị T2 đã bán hết cho khách hàng nên không thu hồi được. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 87/KL-HĐĐG ngày 20/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hưng Yên thì tổng trị giá hàng hóa vi phạm là 11.635.000 đồng (trong đó: 50 đôi giày giả mạo nhãn hiệu Adidas là: 3.875.000đồng; 100 đôi giày giả mạo nhãn hiệu Nike là: 7.778.000đồng). Ngày 22/11/2024, T tự nguyện giao nộp lại số tiền: 12.500.000 đồng.

***Về trách nhiệm dân sự:** Công ty TNHH N1 và địa diện các Công ty thuộc tập đoàn A1, Công ty A3 đều không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Đối với 22 công nhân làm thuê cho T tại xưởng sản xuất thuộc thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên, ông Trần Sỹ L cho T thuê kho sản xuất; anh Bùi Văn L1 chở hàng thuê cho T ngày 21/8/2024 và anh Nguyễn Hoàng L2, chị Nguyễn Thị T2 không biết T thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu Nike, Adidas nên không có căn cứ xử lý.

Cáo trạng số: 115/CT-VKS-P3 ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 226 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 226; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về UBND xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, VKS còn đề nghị xử lý vật chứng và một số nội dung khác theo quy định.

Bị cáo nhất trí và không tranh luận với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Văn bản số: 2694/ngày 10/9/2024 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ K và Công nghệ, phù hợp khách quan với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã đủ căn cứ kết luận: Khoảng năm 2014, Nguyễn Văn T đăng ký thành lập Cơ sở sản xuất giày da V2. Tháng 01/2024, bị cáo thuê kho xưởng của ông Trần Sỹ L tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên để làm cơ sở sản xuất giày đồng thời mua hệ thống máy móc, thiết bị đã cũ để phục vụ cho sản xuất, kinh doanh. Quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, xưởng sản xuất tại huyện

K, tỉnh Hưng Yên chưa được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp giấy phép sản xuất theo quy định.

Khoảng tháng 7/2024, biết nhãn hiệu Nike, A là nhãn hiệu nổi tiếng, được bảo hộ tại Việt Nam, xưởng sản xuất của bị cáo không được uỷ quyền sản xuất và không có hợp đồng gia công sản xuất các loại giày nhãn hiệu trên nhưng do tìm hiểu thị trường thấy nhu cầu tiêu thụ đối với các mẫu giày nhãn hiệu trên thu lời cao nên nảy sinh ý định sản xuất các mẫu giày gắn nhãn hiệu Adidas và N giả để bán kiếm lời. Bị cáo tìm các mẫu giày nhãn hiệu Nike, A đang thịnh hành trên mạng xã hội rồi tải hình ảnh những mẫu giày này về, in ra và mang đến một số cửa hàng thuộc làng nghề làm giày xã P, huyện P, thành phố Hà Nội, đưa hình ảnh mẫu giày mà T tìm kiếm được để mua nguyên phụ liệu sản xuất giày gồm tem, nhãn giả mạo nhãn hiệu Adidas và N, giả da, đế, lót, vải cotton, khuy, dây giày, keo, chỉ, kim máy may, túi nilon,... với số tiền khoảng 100.000.000đồng (*khi mua không có hóa đơn, chứng từ kèm theo*) và chuyển số nguyên liệu trên về xưởng sản xuất tại huyện K. Sau đó, bị cáo hướng dẫn và giám sát công nhân sản xuất các mẫu giày giả mạo nhãn hiệu Nike, Adidas theo các mẫu giày đã tìm hiểu.

Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2024 đến ngày 21/8/2024, tại xưởng sản xuất ở xã Đ, huyện K, T đã chỉ đạo 22 công nhân sản xuất được 7.070 đôi giày giả mạo nhãn hiệu Nike, 170 đôi giày giả mạo nhãn hiệu Adidas.

Khoảng 10 giờ ngày 21/8/2024, bị cáo thuê anh Bùi Văn L1 điều khiển xe ô tô tải treo BKS: 89C-211.16 để chở 200 đôi giày giả mạo nhãn hiệu Nike đi chào bán ra thị trường đã bị Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh H phối hợp Đội QLTT số 05 - Cục quản lý thị trường tỉnh H kiểm tra phương tiện phát hiện. Thu giữ tại thùng xe ô tô: 200 đôi giày thể thao thành phẩm gắn nhãn hiệu Nike (tình trạng: Mới, có các hình “” và “”). Cùng ngày 21/8/2024, Tổ công tác kiểm tra tại xưởng sản xuất của T tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Quá trình kiểm tra, Tổ công tác tạm giữ vật chứng gồm số giày còn lại và các nguyên liệu, phụ kiện phục vụ cho việc sản xuất giày.

Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự và đủ nhận thức việc mình sản xuất, bán các mặt hàng không được các Công ty, tập đoàn uỷ quyền sản xuất, phân phối sản phẩm là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do thấy các hàng hóa này được thị trường ưa chuộng và nhu cầu mua cao, việc làm giả, làm nhái các sản phẩm này bán ra thị trường sẽ thu lợi nhuận cao nên bị cáo đã thực hiện việc sao chép nhãn, mác hàng hóa thuê các cơ sở tư nhân làm rồi mua nguyên vật liệu về để sản xuất bán ra thị trường với số lượng lớn với tổng giá trị sản phẩm 574.753.000 đồng. Hàng hóa đã thu giữ của bị cáo là hàng hóa, vật phẩm mang nhãn hiệu (tem nhãn vải) giả mạo nhãn hiệu của NIKE và không phải là hàng do các Công ty thuộc Tập đoàn A1 sản

xuất hoặc cho phép sản xuất và xác định đây là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu theo quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 226 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo ra tại phiên tòa hôm nay với tội danh và Điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước về hoạt động sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp. Mặc dù không được ủy quyền phân phối và sản xuất sản phẩm của các hãng giày nổi tiếng nhưng vì háms lợi nhuận cao, bị cáo đã mua các nguyên, vật liệu trôi nổi, không được kiểm định để sản xuất các sản phẩm mang nhãn hiệu của các hãng sản xuất có uy tín trên thị trường để bán ra thị trường. Hành vi của bị cáo làm hưởng đến uy tín của các công ty, doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và phân phối hàng hóa, gây thiệt hại cho người tiêu dùng, làm bất ổn thị trường, gây thất thu nguồn thu ngân sách của Nhà nước. Vì vậy, cần xét xử và dành cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và làm bài học răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; có đơn trình bày đặc điểm nhân thân, hoàn cảnh gia đình và xin hưởng mức án thấp nhất có xác nhận và đề nghị của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đặc điểm nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở các đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tích cực khắc phục nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính do thực hiện hành vi phạm tội mà có. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, không phải là đối tượng hình sự nguy hiểm. Do vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo

khỏi đời sống xã hội một thời gian mà xử phạt bị cáo hình phạt tù có điều kiện, giao bị cáo về chính quyền địa phương quản lý, giám sát trong thời gian thử thách như nội dung đề xuất của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có động cơ vụ lợi, lẽ ra cần xử phạt bổ sung bị cáo hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình hiện tại đặc biệt khó khăn. Xét miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Công ty TNHH N1 và đại diện các Công ty thuộc tập đoàn A1, công ty A3 đều không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

7.1/ Tiền truy thu: Đối với số tiền do bị cáo phạm tội mà có, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ 12.500.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên nên cần tịch thu số tiền này sung ngân sách Nhà nước.

7.2/ Về xử lý vật chứng:

+ Đối với:

- 7070 đôi giày thể thao gắn nhãn hiệu “Nike, hình”;
- 170 đôi giày thể thao gắn nhãn hiệu “Adidas, hình”;
- 1.660 kg đế giày các loại;
- 240 kg mũ giày gắn nhãn hiệu “Nike, hình”;
- 35 kg mũ giày gắn nhãn hiệu “Adidas, hình”;
- 95 kg tem, nhãn gắn hiệu “Nike, hình”;
- 06 kg tem, nhãn gắn nhãn hiệu “Adidas, hình”;
- 10 thùng keo dán đế giày, loại 20kg/ thùng (một thùng bị rò rỉ keo);
- 20kg chỉ khâu giày;
- 75kg khuôn phom giày;
- 50kg dây buộc giày các loại;
- 01 thanh đục bằng kim loại đã hoen rỉ, dài 8,5cm, đường kính phần rộng nhất 01cm;
- 01 chiếc kéo bằng kim loại đã hoen rỉ, có tay cầm màu xanh, dài 24cm;
- 01 khuôn cắt bằng kim loại đã hoen rỉ, kích thước (7x4,5x3)cm;
- 01 chiếc búa cao su có chuôi bằng gỗ, đầu búa hình trụ tròn, cao 8,5cm, đường kính 5cm, chuôi búa dài 19cm, đường kính 02cm.

Đây là các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; các nguyên liệu, công cụ để thực hiện việc sản xuất hàng hóa vi phạm pháp luật cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với:

- Máy dệt: 01 chiếc, ghi chữ YIHHONG;
- Máy may chân tủy: 03 chiếc, ghi chữ; Sunstar ST-610;
- Máy định hình: 01 chiếc, ghi chữ SEAZEN VXM006980;
- Dàn máy sấy 05 cục: 01 chiếc, ghi chữ QIXIN MACHINERY-DML;
- Máy ép dầu: 01 chiếc, ghi chữ Chengfeng CF- 710A;
- Máy may: 02 chiếc, ghi chữ HOHSING;
- Máy ép cuối: 01 chiếc, ghi chữ NO 226.CHUNG HUA HUI ROAD;
- Máy khò chỉ: 01 chiếc, ghi chữ HP1/8ZC8917166ZC;
- Máy may: 30 chiếc, ghi chữ GOLDEN WHEEL;

Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, bị cáo sử dụng các tài sản trên vào thực hiện hành vi phạm tội vợ bị cáo không biết nên cần tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị. Trả lại chị Hoàng Thị Y 1/2 giá trị các tài sản trên (những người hưởng thừa kế của chị Y nhận số tài sản này).

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “**Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp**”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 điều 226; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (năm) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về UBND xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

2.1/ Tiền truy thu:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo tổng số tiền: 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

2.2/ *Xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ *Tịch thu tiêu hủy*:

- 7070 đôi giày thể thao gắn nhãn hiệu “Nike, hình”;
- 170 đôi giày thể thao gắn nhãn hiệu “Adidas, hình”;
- 1.660 kg đế giày các loại;
- 240 kg mũ giày gắn nhãn hiệu “Nike, hình”;
- 35 kg mũ giày gắn nhãn hiệu “Adidas, hình”;
- 95 kg tem, nhãn gắn hiệu “Nike, hình”;
- 06 kg tem, nhãn gắn nhãn hiệu “Adidas, hình”;
- 10 thùng keo dán đế giày, loại 20kg/ thùng (một thùng bị rò rỉ keo);
- 20kg chỉ khâu giày;
- 75kg khuôn phom giày;
- 50kg dây buộc giày các loại;
- 01 thanh đục bằng kim loại đã hoen rỉ, dài 8,5cm, đường kính phần rộng nhất 01cm;
- 01 chiếc kéo bằng kim loại đã hoen rỉ, có tay cầm màu xanh, dài 24cm;
- 01 khuôn cắt bằng kim loại đã hoen rỉ, kích thước (7x4,5x3)cm;
- 01 chiếc búa cao su có chuôi bằng gỗ, đầu búa hình trụ tròn, cao 8,5cm, đường kính 5cm, chuôi búa dài 19cm, đường kính 02cm.

(Đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/12/2024 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên và Công an tỉnh H).

+ *Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị tài sản (phần tài sản thuộc sở hữu của bị cáo) và trả lại chị Hoàng Thị Y (các đồng thừa kế di sản của chị Y) 1/2 giá trị các tài sản gồm*:

- Máy dệt: 01 chiếc, ghi chữ YIHHONG;
- Máy may chân tủy: 03 chiếc, ghi chữ; Sunstar ST-610;
- Máy định hình: 01 chiếc, ghi chữ SEAZEN VXM006980.
- Dàn máy sấy 05 cục: 01 chiếc, ghi chữ QIXIN MACHINERY-DML;
- Máy ép dầu: 01 chiếc, ghi chữ Chengfeng CF - 710A;
- Máy may: 02 chiếc, ghi chữ HOHSING;
- Máy ép cuối: 01 chiếc, ghi chữ NO 226.CHUNG HUA HUI ROAD;
- Máy khò chỉ: 01 chiếc, ghi chữ HP1/8ZC8917166ZC;
- Máy may: 30 chiếc, ghi chữ GOLDEN WHEEL.

(Đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/12/2024 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên và Công an tỉnh H).

3/ Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQ CSĐT-Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, VP, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Lâm